

Số: 84/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 10 tháng 06 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 98/2026/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2026 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm C, xã M, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Anh Bùi Văn M, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm C, xã M, tỉnh Phú Thọ.

- Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;  
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.  
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 06 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 06 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn M.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:  
*- Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn M thuận tình ly hôn.  
*- Về con chung:* Giao con chung Bùi Bảo N, sinh ngày 12/03/2022 cho anh Bùi Văn M trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 02/06/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Bùi Thị Đ có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với anh Bùi Văn M mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 06/2026 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, nếu chậm trả thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn*

*phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).*

*-Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

*-Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

*-Về án phí: Nguyên đơn Bùi Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng hai khoản mà chị Bùi Thị Đ phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được đối trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số: 0003793 ngày 28/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, nay nguyên đơn không phải nộp thêm nữa.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 15 –Phú Thọ;
- PhòngTHADS khu vực 15 - Phú Thọ;
- UBND xã Mường Vang, tỉnh Phú Thọ  
(Đăng ký số 20 ngày 09/05/2022 của UBND xã Quý Hoà cũ);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Minh Giang**